

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

NGUYỄN NHƯ HIỂN*

Tóm tắt: Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm. Trong phạm vi bài viết, tác giả phân tích, đánh giá những vướng mắc, bất cập và kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng dân sự về quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự (VADS).

Từ khóa: Thẩm quyền của Hội đồng xét xử; xét xử phúc thẩm; vụ án dân sự

Ngày nhận bài: 03/7/2025; Biên tập xong: 20/7/2025; Duyệt đăng: 23/7/2025

SOME ISSUES REGARDING THE JURISDICTION OF APPELLATE CIVIL COURTS UNDER VIETNAMESE CIVIL PROCEDURE LAW

Abstract: Jurisdiction of the appellate court are regulated in Article 308 of the 2015 Civil Procedure Code. Within the scope of the article, the author analyzes and evaluates the difficulties, shortcomings and recommends the improvement of the provisions of the Civil Procedure Law on the jurisdiction of appellate civil courts.

Keywords: Jurisdiction of appellate court; appellate trial; civil case

Received: Jul 03rd, 2025; **Editing completed:** Jul 20th, 2025; **Accepted for publication:** Jul 23rd, 2025

Đặt vấn đề

Theo Điều 308 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm có các quyền: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, đình chỉ xét xử phúc thẩm; tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, quy định của BLTTDS năm 2015 về vấn đề này vẫn còn một số bất cập, chưa thực sự phù hợp như: Cần hiểu như thế nào về căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 309 BLTTDS năm 2015: “Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật khi việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này”? Hiểu thế nào là vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự?... Đây là vấn đề còn có nhiều cách hiểu khác nhau.

1. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm

1.1. Quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm

Hiện nay, BLTTDS năm 2015 chỉ quy định về quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm mà chưa có hướng dẫn cụ thể về căn cứ áp dụng quyền này, dẫn đến Hội đồng xét xử phúc thẩm không thống nhất trong việc ra bản án phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Theo Điều 274 BLTTDS năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm sẽ kiểm tra việc kháng cáo, kháng nghị và chỉ gửi hồ sơ vụ án lên Tòa án cấp phúc thẩm khi kháng cáo, kháng nghị hợp lệ. Kháng cáo, kháng nghị hợp lệ là khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chủ thể, thời hạn, hình thức và phạm vi kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm khi đánh giá các chứng cứ,

*Email: Nhuhientabg@gmail.com

Nghiên cứu sinh, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

tài liệu của vụ án và căn cứ vào quy định của pháp luật nhận thấy bản án sơ thẩm có căn cứ và hợp pháp, còn kháng cáo, kháng nghị là không có căn cứ thì Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. Nếu trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm nghiên cứu hồ sơ vụ án mà phát hiện kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ thì Tòa án cấp phúc thẩm cần ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật vì khi kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ thì được coi là không có kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để các Tòa án thống nhất áp dụng pháp luật.

1.2. Quyền sửa bản án sơ thẩm

Điều 309 BLTTDS năm 2015 quy định: Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm nếu Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật trong các trường hợp sau đây: (i) Việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII của BLTTDS năm 2015; (ii) Việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ. Ngoài ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm khi có căn cứ tại khoản 1 Điều 300 BLTTDS năm 2015. Đó là nếu tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Tuy nhiên, về quyền sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm còn một số vướng mắc sau:

Thứ nhất, cần hiểu như thế nào về căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 309 BLTTDS năm 2015: “Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật khi việc chứng minh và thu thập

chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này”. Liên quan đến quy định này, hiện nay có các cách hiểu khác nhau:

Cách hiểu thứ nhất, tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ, việc đánh giá chứng cứ cũng chính xác nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai sót trong việc áp dụng các quy định của pháp luật nội dung để giải quyết vụ án, như: Không áp dụng điều luật trong trường hợp cần áp dụng; áp dụng văn bản pháp luật đã hết hiệu lực pháp luật hoặc áp dụng không đúng các điều luật, không đúng nội dung quy định của điều luật. Việc có sai lầm trong áp dụng pháp luật nội dung dẫn đến phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm về yêu cầu của người khởi kiện cũng không đúng. Vì vậy, trong trường hợp này, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ được quyền sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm.

Cách hiểu thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng để giải quyết nhưng chưa đến mức nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, như trình bày bản án không đúng, sai thể thức, sai sót về kỹ thuật (sai chữ viết, lỗi chính tả, diễn đạt phán quyết) hoặc sai sót trong phần nhận định của bản án... Trong trường hợp này, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm cho đúng thủ tục tố tụng.

Có thể thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng về pháp luật và Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm khi có một trong hai trường hợp:

- Việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS năm 2015, tức là Tòa án cấp sơ thẩm không có sai sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ mà Tòa án chỉ có sai sót trong việc áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án.

- Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng nhưng sai sót này

chưa đến mức nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, hay nói cách khác là sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng chưa dẫn đến phải hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Thứ hai, hiểu như thế nào về căn cứ ở khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015: “Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật khi việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ”? Về nguyên tắc, Tòa án sẽ dựa vào chứng cứ, căn cứ pháp lý để ra phán quyết về việc giải quyết vụ án. Do đó, sai sót trong việc áp dụng pháp luật có thể thuộc một trong hai trường hợp sau:

- Các chứng cứ, tài liệu đầy đủ, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, đánh giá chứng cứ hoàn toàn chính xác nhưng khi áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng không đúng.

- Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hoạt động chứng minh chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến xác định không chính xác sự thật khách quan của vụ án, nhưng với chứng cứ cũ và chứng cứ mới được bổ sung tại cấp phúc thẩm thì sự thật của vụ án đã được làm sáng tỏ và đương nhiên việc áp dụng pháp luật nội dung ở Tòa án cấp sơ thẩm cũng trở thành không chính xác.

Như vậy, trường hợp thứ nhất thuộc khoản 1 Điều 309 BLTTDS năm 2015 nên khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015 chính là sai lầm trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, từ đó sẽ kéo theo sai lầm trong áp dụng pháp luật nội dung. Vì vậy, khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015 cần được sửa lại cho phù hợp.

Thứ ba, nếu đương sự chỉ kháng cáo về phần nhận định của bản án sơ thẩm (không kháng cáo về phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm) và chỉ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm

sửa phần nhận định trong bản án sơ thẩm thì Hội đồng xét xử phúc thẩm có sửa bản án sơ thẩm không (nếu kháng cáo của đương sự là đúng)? Trường hợp này không thể là căn cứ để giữ nguyên bản án sơ thẩm bởi mặc dù phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đúng pháp luật và có căn cứ, nhưng trong phần nhận định của bản án sơ thẩm có nội dung không chính xác thì cũng cần phải xem xét. Hơn nữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm càng không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại hay hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì đều không có căn cứ. Theo tác giả, sửa bản án sơ thẩm trong trường hợp này là hợp lý hơn cả. Cụ thể, đây là trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm chỉ có sai sót trong phần nhận định, tức là sai sót về thủ tục tố tụng nhưng chưa đến mức nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và đương sự hoàn toàn đồng ý với phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, các nội dung khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định, phán quyết của Hội đồng xét xử sơ thẩm có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật thì Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ cần sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm.

1.3. Quyền hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Theo Điều 310 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm trong các trường hợp sau: (i) Việc chứng minh và thu thập chứng cứ không theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS năm 2015 hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; (ii) Thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng theo quy định BLTTDS năm 2015 hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tuy nhiên, quy định về quyền hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm lại tồn tại vướng mắc là: Hiểu thế nào là vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự? Trên thực tế, các vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng thường được thực hiện dưới dạng Tòa án xét xử sai thẩm quyền; Tòa án không hòa giải trước khi xét xử sơ thẩm đối với các VADS bắt buộc phải hòa giải; bỏ sót người tham gia tố tụng; xét xử vắng mặt các đương sự không đúng các trường hợp do luật quy định; việc xét xử tại phiên tòa không tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định... Việc đánh giá vi phạm nghiêm trọng nào về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm mới ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự thì lại dựa vào ý chí chủ quan của Hội đồng xét xử. Do đó, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này để các Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng pháp luật thống nhất.

1.4. Quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

Điều 311 BLTTDS năm 2015 quy định Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nếu trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, vụ án thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 217 BLTTDS năm 2015. Đây là trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã không phát hiện ra những căn cứ quy định tại Điều 217 BLTTDS năm 2015 và vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm khi giải quyết lại vụ án đã phát hiện ra vụ án có một trong các căn cứ này nên phải đình chỉ giải quyết vụ án. Ngoài ra, theo Điều 299 BLTTDS năm 2015, trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút đơn khởi kiện, thì Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi ý kiến của bị đơn có đồng ý hay không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của

nguyên đơn. Nếu bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Về quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn còn một số vướng mắc sau:

Thứ nhất, nếu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định gì? Trên thực tế, Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định khác nhau. Có Tòa án căn cứ vào Điều 309 BLTTDS năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm, loại bỏ nội dung Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự¹, có Tòa án căn cứ vào Điều 311 BLTTDS năm 2015 để hủy và đình chỉ phần bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự².

Theo quy định về quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm tại Điều 308 BLTTDS năm 2015 thì sửa bản án sơ thẩm theo hướng loại bỏ nội dung tuyên xét xử vượt quá yêu cầu của đương sự là chấp nhận được, cho dù hơi khiên cưỡng. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết một vấn đề mà đương sự không yêu cầu, nên phần giải quyết đó của Tòa án cấp sơ thẩm phải bị hủy do vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự và việc giải quyết đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử phúc thẩm phải đình chỉ giải quyết phần vụ án đó vì Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phần vụ án mà không có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, Điều 311 BLTTDS năm 2015 chỉ quy định quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nếu trong

¹ Bản án số 31/2023/DS-PT ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Nguyễn Hoàng Nam (2024), *Bản về hướng giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự*, <https://danchuphapluat.vn/ban-ve-huong-giai-quyet-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-doi-voi-ban-an-so-tham-giai-quyet-vuot-qua-yeu-cau-cua-duong-su>, truy cập ngày 04/12/2024.

² Bản án số 345/2023/DS-PT ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, vụ án thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 217 BLTTDS năm 2015, nhưng không có quy định về quyền hủy và đình chỉ giải quyết một phần vụ án. Do đó, cần bổ sung quy định Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án nếu phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

Thứ hai, về việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện và được bị đơn đồng ý, còn có một số vướng mắc sau:

Một là, nếu bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập mà rút yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của mình ở giai đoạn phúc thẩm hoặc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu của mình thì Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết như thế nào? Điều 299 BLTTDS năm 2015 mới quy định về việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn mà chưa có quy định về việc bị đơn rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập hoặc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu của mình ở giai đoạn phúc thẩm. Điều này là chưa bảo đảm quyền bình đẳng về việc rút yêu cầu của các đương sự ở giai đoạn phúc thẩm. Thiết nghĩ, cần bổ sung quy định bị đơn rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập hoặc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu của mình ở giai đoạn phúc thẩm nhằm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự.

Hai là, nguyên đơn rút đơn khởi kiện có cần hỏi ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có hoặc không có yêu cầu độc lập) không khi họ kháng cáo bản án sơ thẩm hoặc một phần bản án sơ thẩm?

Ví dụ: Ông A có ba người con là B, C, D. Ông A chết không để lại di chúc. Ông A có mảnh đất diện tích 200m² (hiện do ông B quản lý). B và C có tranh chấp với nhau về chia di sản thừa kế nên C khởi kiện B ra Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế của ông

A. Bản án sơ thẩm quyết định: B được chia thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng mảnh đất diện tích 200m². B phải thanh toán bằng tiền giá trị diện tích đất mà C, D được hưởng tương ứng với tỷ phần thừa kế của mình. Theo đó, B thanh toán cho C, D mỗi người là 500 triệu đồng. Sau đó, D kháng cáo đề nghị Tòa án chia tài sản thừa kế bằng hiện vật cho D là quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, C rút toàn bộ đơn khởi kiện và được B đồng ý nhưng D không đồng ý rút lại kháng cáo của mình. Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết như thế nào? Vấn đề này cũng có nhiều ý kiến khác nhau, cụ thể:

Ý kiến thứ nhất: Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 299 BLTTDS năm 2015 ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu D có yêu cầu chia di sản thừa kế thì Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết thành VADS độc lập.

Ý kiến thứ hai: Hội đồng xét xử phúc thẩm không được hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án mà phải tiếp tục xét xử trên cơ sở kháng cáo của D.

Nếu căn cứ vào Điều 299 BLTTDS năm 2015 thì việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện chỉ cần hỏi ý kiến của bị đơn; bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, điều này có công bằng cho D là người kháng cáo hay không khi một trong nguyên tắc của tố tụng dân sự là đảm bảo quyền bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Ở đây, tôn trọng quyền rút đơn khởi kiện của nguyên đơn thì cũng cần tôn trọng quyền kháng cáo của người kháng cáo bởi họ là người khởi động quá trình xét xử phúc thẩm. Hơn nữa, khi hủy toàn bộ bản án sơ thẩm thì D có thể khởi kiện lại thành vụ án khác, điều này làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án cũng như dễ dẫn đến sự lạm quyền rút yêu cầu

của nguyên đơn. Do đó, để tôn trọng quyền tự định đoạt của tất cả các đương sự, cũng như bảo đảm nguyên tắc bình đẳng quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự, thì việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn không chỉ hỏi ý kiến của bị đơn mà cần hỏi ý kiến của các đương sự khác.

Ba là, các đương sự có được rút yêu cầu đối với phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật không?

Ví dụ: Anh A khởi kiện chị B yêu cầu ly hôn, giải quyết tài sản chung giữa A và B (A và B có khoản tiền chung là 1 tỷ). C có yêu cầu anh A và chị B trả nợ 300 triệu đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận cho A và B được ly hôn, buộc A và B trả nợ cho C 200 triệu đồng, A và B mỗi người được 400 triệu đồng. Sau đó, B kháng cáo phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung giữa A và B, cho rằng công sức đóng góp tạo ra tài sản chung chủ yếu là của chị, nên chị không đồng ý với phần bản án sơ thẩm chia cho A và B mỗi người 400 triệu. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh A rút toàn bộ đơn khởi kiện và được chị B đồng ý. Lúc này, Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết như thế nào? Vấn đề này cũng có nhiều ý kiến khác nhau:

Ý kiến thứ nhất: Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 299 BLTTDS năm 2015 ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu C có yêu cầu buộc A, B trả khoản nợ 300 triệu đồng thì Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý để giải quyết thành VADS độc lập.

Ý kiến thứ hai: Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án bởi A chỉ có thể rút yêu cầu đối với những phần bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Còn phần bản án sơ thẩm buộc A và B trả nợ cho C 200 triệu đồng đã có hiệu lực pháp luật (do không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm) thì Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể hủy và đình chỉ.

Nếu theo quy định tại Điều 299 BLTTDS năm 2015 thì cho phép nguyên đơn rút đơn

khởi kiện cả đối với phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Điều này là chưa bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của C bởi bản án sơ thẩm đã quyết định về quyền lợi của C, đồng thời không có kháng cáo, kháng nghị đối với phần bản án sơ thẩm này. Do đó, phán quyết về quyền lợi của C có hiệu lực pháp luật nên việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn cho dù được bị đơn đồng ý thì không thể làm ảnh hưởng đến quyền lợi của C.

1.5. Quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm

Theo Điều 312 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm khi thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Theo quy định tại khoản 2 Điều 289 BLTTDS năm 2015; (ii) Người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 BLTTDS năm 2015, trừ trường hợp vụ án có người khác kháng cáo, Viện kiểm sát (VKS) kháng nghị. Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 chưa quy định trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm phát hiện kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ thì ra quyết định gì? Trong trường hợp này, có thể hiểu khi kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ tức là không có kháng cáo, kháng nghị và Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì vậy, BLTTDS năm 2015 cần bổ sung quy định về vấn đề này.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm

2.1. Về quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm

Điều 308 BLTTDS năm 2015 không quy định căn cứ giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị của Hội đồng xét xử phúc thẩm là một thiếu sót cần được bổ sung. Bởi lẽ, “không quy định căn cứ áp dụng quyền hạn của Hội đồng xét xử thì việc Hội đồng xét xử ra quyết định hoàn toàn căn cứ vào ý chí chủ quan của mình để giải quyết mà không dựa trên các căn cứ pháp lý. Bên cạnh đó,

Tòa án cấp trên cũng không có cơ sở để xác định việc giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm là đúng hay sai”³.

Việc Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm là khi kháng cáo, kháng nghị hợp lệ và bản án sơ thẩm hoàn toàn có căn cứ và hợp pháp. Do đó, BLTTDS năm 2015 cần bổ sung căn cứ không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau: “Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị nếu kháng cáo, kháng nghị hợp lệ nhưng không có căn cứ và bản án sơ thẩm đúng pháp luật”.

2.2. Về quyền sửa bản án sơ thẩm

TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể về khoản 1 Điều 309 BLTTDS năm 2015 để các Tòa án áp dụng thống nhất. Theo đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm khi “Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật trong trường hợp việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này” nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII BLTTDS nhưng Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án;

+ Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng nhưng sai sót này chưa đến mức nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nói cách khác, sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng chưa dẫn đến việc phải hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đồng thời, cần sửa đổi khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015 theo hướng: *Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nội dung.*

³ Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong tố tụng dân sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 180.

2.3. Về quyền hủy một phần hoặc bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Như đã phân tích, do BLTTDS năm 2015 không có hướng dẫn cụ thể thế nào là “vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự” nên việc đánh giá này phụ thuộc vào Hội đồng xét xử. Do đó, TANDTC cần có hướng dẫn cụ thể theo hướng: Những vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là những vi phạm về tố tụng này dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự bị xâm phạm, đương sự không thực hiện được việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình như vi phạm các nguyên tắc của pháp luật tố tụng dân sự; Tòa án không hòa giải trước khi xét xử sơ thẩm đối với các VADS bắt buộc phải hòa giải; bỏ sót người tham gia tố tụng; không triệu tập hợp lệ các đương sự trước khi tiến hành xét xử...

2.4. Về quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

- Kiến nghị về quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết một vấn đề mà đương sự không yêu cầu, nên phần giải quyết đó của Tòa án cấp sơ thẩm phải bị hủy do vi phạm nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự và việc giải quyết đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử phúc thẩm phải đình chỉ giải quyết phần vụ án đó vì Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết phần vụ án mà không có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, quyền hạn này của phúc thẩm lại chưa được quy định trong BLTTDS năm 2015. Vì vậy, cần bổ sung quy định Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án nếu phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

- Kiến nghị về quyền đình chỉ giải quyết vụ án và hủy bản án sơ thẩm tại Điều 299 BLTTDS năm 2015

Việc rút yêu cầu của đương sự (yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trước hoặc tại phiên tòa phúc thẩm là nhằm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự. Mặc dù vậy, việc rút yêu cầu ở phúc thẩm trong hoàn cảnh đã có bản án sơ thẩm hoặc các đương sự đã kháng cáo, VKS đã kháng nghị bản án sơ thẩm nên việc rút yêu cầu này của đương sự cần tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự khác cũng như tôn trọng quyền kháng nghị của VKS và nguyên tắc bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định. Do đó, việc rút yêu cầu này của đương sự ở giai đoạn phúc thẩm VADS cần đáp ứng các điều kiện sau:

- + Phải hỏi ý kiến của các đương sự khác.
- + Việc rút yêu cầu nằm trong phạm vi xét xử phúc thẩm VADS.

Như vậy, nên sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 299 BLTTDS năm 2015 như sau:

1. Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự có quyền rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử phúc thẩm hỏi ý kiến của các đương sự khác và tùy từng trường hợp mà giải quyết như sau:

a. Các đương sự khác đồng ý thì không chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự và giải quyết theo thủ tục chung.

b. Các đương sự khác đồng ý thì Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu của đương sự, đồng thời ra bản án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đã rút và hủy một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm mà đương sự đã rút.

2.5. Về quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm

Về nguyên tắc, Tòa án cấp sơ thẩm sẽ kiểm tra tính hợp lệ của kháng cáo, kháng nghị. Nếu kháng cáo, kháng nghị không

hợp lệ thì Tòa án cấp sơ thẩm sẽ căn cứ vào Điều 274 BLTTDS năm 2015 để trả lại đơn kháng cáo. Tuy nhiên, nếu Tòa án cấp sơ thẩm không phát hiện ra kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ và đã chuyển hồ sơ vụ án lên Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện ra điều này thì sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án sơ thẩm được công nhận. Do đó, cần bổ sung trường hợp này trong BLTTDS.

Kết luận

Hoàn thiện quy định về thẩm quyền của Hội đồng xét xử phúc thẩm là vấn đề cần thiết để kịp thời khắc phục những vướng mắc, bất cập trong quy định của BLTTDS năm 2015 cũng như đảm bảo sự phù hợp trong thực tiễn thực hiện công tác xét xử của Tòa án. Đây cũng là việc hiện thực hóa yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đó là: “Xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bản án số 31/2023/DS-PT ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
2. Bản án số 345/2023/DS-PT ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
3. Nguyễn Thị Thu Hà (2011), *Phúc thẩm trong tố tụng dân sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội;
4. Nguyễn Hoàng Nam (2024), *Bàn về hướng giải quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự*, <https://danchuphapluat.vn/ban-ve-huong-giai-quyet-cua-hoi-dong-xet-xu-phuc-tham-doi-voi-ban-an-so-tham-giai-quyet-vuot-qua-yeu-cau-cua-duong-su>.